TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT
Ngày: 24-01-2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**

Bà **Trần Thị Thu Hằng**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Võ Hoàng T**, sinh năm 1973 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T.

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng T, xã Bình N, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền**: Phan Thị H**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số....., Lê L, Phường ....., thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/9/2018)

- *Bị đơn:*

1/ **Nguyễn Thành N,** sinh năm 1979 (có mặt).

2/ **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Long Bình Đ, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Phạm Ngọc D** - Văn phòng luật sư Phạm Ngọc D thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 474, ấp Bình ph, xã Tân Mỹ C, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Thành N**, **Trần Thị Kim P**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Hoàng T là bà Phan Thị H trình bày: Anh Võ Hoàng T chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T và chị Trần Thị Kim P, Nguyễn Thành N do quen biết nên vợ chồng anh N, chị P có ý định chuyển nhượng đất cho anh T để có vốn kinh doanh.

Ngày 14/11/2017, anh N, chị P thỏa thuận nhận tiền đặt cọc 105.000.000 đồng, ngày 03/01/2018 nhận thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 115.000.000 đồng để chuyển nhượng thửa đất 549, tờ bản đồ số 16, diện tích 206 m^2 đất tại ấp Bình H, xã Long Bình Đ, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang, hai bên có làm hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất và biên nhận tiền đặt cọc với giá chuyển nhượng 150.000.000 đồng. Từ khi nhận tiền đặt cọc đến nay, anh T nhiều lần yêu cầu anh N, chị P làm thủ tục chuyển nhượng đất nhưng không thực hiện và phát hiện vợ chồng anh Nhân, chị P chuyển nhượng đất cho người khác, anh T yêu cầu trả lại tiền nhưng anh N, chị P cũng không trả.

Nay anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T yêu cầu anh N, chị P trả lại tiền đặt cọc 115.000.000 đồng và bồi thường vi phạm hợp đồng tương đương số tiền đặt cọc là 115.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Kim P cùng trình bày:* Ngày 14/11/2017, anh chị có vay anh T số tiền 115.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, hai bên có làm giấy tay vay tiền, do vợ chồng ký tên, phía anh T giữ giấy, nội dung thể hiện mượn lần đầu 105.000.000 đồng, lần sau mượn 10.000.000 đồng vào ngày 03/01/2018. Anh chị vay để đáo nợ Ngân hàng và làm thủ tục lên đất thổ cư diện tích 206 m^2. Trước đây, anh chị có nhờ anh T làm thủ tục lên đất thổ cư và lấy giấy đất để đi vay Ngân hàng cho anh chị vì anh chị không có thời gian nhưng anh T không làm được. Vợ chồng anh chị không có giao dịch bán đất cho anh T. Đối với hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất ngày 14/11/2017, anh chị không biết gì về hợp đồng này, khi chị ký tên thì không có chữ viết bằng mực xanh, mẫu in sẵn thì anh chị không xác định, không nhớ có mẫu in sẵn hay chưa nhưng chị thừa nhận chữ ký của chị. Đối với biên nhận tiền đặt cọc ngày 14/11/2017, anh chị thừa nhận khi ký tên có mẫu in sẵn. Anh chị thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận tiền đặt cọc là của anh chị. Khi ký giấy này, anh T nói để làm tin, là hình thức để mượn tiền.

Khi vay tiền của anh T, anh chị không có giấy tờ gì để chứng minh việc vay tiền. Anh chị cũng xác định không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trên hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất và biên nhận tiền đặt cọc.

Nay anh chị đồng ý trả cho anh T số tiền 115.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định. Đồng thời anh chị yêu cầu anh T hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc P trình bày: Ngày 25/6/2018 anh có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6413, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Võ Hoàng T là bà Phan Thị H yêu cầu anh N, chị P trả cho anh T số tiền đặt cọc 115.000.000 đồng và bồi thường vi phạm hợp đồng tương đương số tiền đặt cọc là 115.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng nhưng nguyên đơn tự nguyện giảm cho anh N, chị P số tiền 30.000.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 200.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 245/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 328, Điều 357 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T.

Buộc anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T số tiền đặt cọc và bồi thường số tiền tương đương với số tiền đặt cọc tổng cộng là 200.000.000 đồng(Hai trăm triệu đồng). Thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh N, chị P chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Hủy hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất ngày 14/11/2017 và biên nhận tiền đặt cọc ngày 14/7/2017 giữa anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T và anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 257/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/8/2018, bị đơn anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P có đơn kháng cáo với nội dung không đồng trả số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Mặc dù bị đơn thừa nhận ký tên trong hợp đồng đặc cọc, nhưng đây không phải là hợp đồng đặt cọc, mà là hợp đồng vay tiền bởi các lý do sau:

- Hợp đồng đặt cọc do nguyên đơn soạn sẵn, chừa nhiều chỗ trống để điền vào bằng viết;

- Bị đơn xác định hợp đồng vay tiền 115.000.000đồng, nhận làm 02 lần, lần 1 nhận 105.000.000đồng, lần 2 nhận 10.000.000 đồng .

- Bên B trong hợp đồng đặt cọc chỉ có chị P ký tên, anh N không ký; Bên nguyên đơn sửa số 105.000.000 đồng thành số 115.000.000 đồng; Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi trong hợp đồng đặt cọc không chính xác, nguyên đơn ghi thêm về mục đích sử dụng đất.

- Hai bên không thỏa thuận về thời gian ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất; Tài sản trên đất là căn nhà không có thỏa thuận; Số tiền đặt cọc ghi 115.000.000 đồng là không đúng;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn tự nguyện trả 115.000.000 đồng và lãi theo qui định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Tại bút lục số 25 đã thể hiện bên đặt cọc là anh T, bên nhận đặt cọc là anh N, chị P nhằm giao kết hợp đồng chuyển nhượng 206m^2 đất; Anh N, chị P đã nhận đủ tiền cọc. Bị đơn cho rằng đây là hợp đồng vay tiền, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Nên hợp đồng đặt cọc là có cơ sở. Về vấn đề bồi thường do vi phạm hợp đồng, anh N, chị P không chuyển nhượng đất nên phải bồi thường tiền cọc theo quy định. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền 200.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P, lời trình bày

của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Đối với anh Nguyễn Ngọc P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệp tập dự phiên tòa xét xử phúc thẩm nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vụ án vắng mặt anh P theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Ngày 14/11/2017 anh Võ Hoàng T và vợ chồng anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P xác lập hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng phần đất tại thửa đất số 549, diện tích 206m^2 tọa lạc tại ấp Bình H, Xã Long Bình Đ, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang, với bên A là anh Võ Hoàng T – chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T, bên B là chị Trần Thị Kim P. Cùng ngày thì chị Trần Thị Kim P và chồng là anh Nguyễn Thành N có nhận tiền cọc là 105.000.000đồng. Ngày 03/01/2018 anh N nhận tiếp 10.000.000 đồng. Do anh N, chị P không đồng ý chuyển nhượng đất cho anh T nên phát sinh tranh chấp. Anh T cùng người đại diện theo ủy quyền cho rằng anh N, chị P không chuyển nhượng đất nên phải trả tiền cọc và phạt cọc theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc, anh T yêu cầu anh N, chị P phải hoàn trả số tiền 200.000.000đồng. Anh N, chị P cho rằng chỉ ký tên hợp đồng vay tiền 115.000.000đồng, không xác lập hợp đồng đặt cọc.

[3]Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả 200.000.000 đồng cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, xét nội dung tờ đặt cọc lập ngày 14/11/2017 có qui định khoản 1 Điều 4 *"... trả gấp đôi tiền cọc trong trường hợp bên B từ chối không chuyển nhượng đất cho bên A .."*. Theo nội dung biên nhận đặt cọc thì số tiền đặt cọc đã nhận là 105.000.000đồng. Nên có cơ sở xác định tiền đặt cọc là 105.000.000đồng. Ngày 03/01/2018 ghi nhận thêm 10.000.000đồng, cần xác định số tiền 10.000.000đồng này là tiền đưa thêm, chứ không phải là tiền đặt cọc. Tòa án sơ thẩm xác định tiền đặt cọc 115.000.000đồng là không chính xác. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả 200.000.000đồng (gồm tiền phạt cọc và tiền hoàn trả 105.000.000đồng + 10.000.000đồng) là hoàn toàn có lợi cho bị đơn, nên không cần thiết phải sửa án sơ thẩm về số tiền đặt cọc. Bị đơn cho rằng chỉ là hợp đồng vay số tiền 115.000.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh là số tiền vay, nguyên đơn cũng không thừa nhận là tiền vay, đồng thời từ lúc nhận tiền đến nay thì bị đơn cũng không có trả khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn đối với số tiền đã nhận là 115.000.000đồng. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào nội dung hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/11/2017 để buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Anh N nại ra rằng, đất chuyển nhượng là tài sản chung của vợ chồng, anh không ký vào hợp đồng đặt

cọc mà chỉ có chị P ký tên. Xét thấy, tờ hợp đồng đặt cọc lập ngày 14/11/2017 thể hiện bên B là do chị P ký tên, nhưng biên nhận tiền đặt cọc cùng ngày gắn liền với tờ hợp đồng đặt cọc thì anh N có ký tên cùng chị P và có nhận tiền, đến ngày 03/01/2018 anh N tiếp tục nhận thêm 10.000.000đồng, điều này chứng tỏ anh N biết rõ hợp đồng đặt cọc đã xác lập và không phản đối. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yê cầu kháng cáo của anh N và chị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[3]Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo. Xét thấy, phần đất tại thửa đất số 549, diện tích 206m^2 tọa lạc tại ấp Bình H, Xã Long Bình Đ, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang hiện tại bị đơn đang làm hợp đồng đặt cọc với nguyên đơn. Trong quá trình tòa án đang thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc thì bị đơn xác lập hợp đồng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Ngọc P, nên Tòa án sơ thẩm đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc hủy bỏ biện pháp khẩn khấp tạm thời. Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định số 257/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/7/2018 cho đến khi anh N và chị P trả xong số tiền 200.000.000đồng. Để đảm bảo việc thi hành án, Hội đồng xét xử thấy rằng cần bổ sung biện pháp giải tỏa số tiền 20.000.000 đồng do anh Võ Hoàng T đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm theo quyết định số 257/2018/QĐ-BPBĐ ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo bằng cách giao trả lại anh Thành số tiền 20.000.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có).

[4] Xét lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Xét lời đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận .

[6]Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 328, Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Kim P.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 245/2018/DSST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thành.

- Buộc anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T số tiền đặt cọc và bồi thường số tiền tương đương với số tiền đặt cọc tổng cộng là 200.000.000 đồng(Hai trăm triệu đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh N, chị P chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Hủy hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất ngày 14/11/2017 và biên nhận tiền đặt cọc ngày 14/7/2017 giữa anh Võ Hoàng T, chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thành và anh Nguyễn Thành N, chị Trần Thị Kim P.

4.Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 257/2018/ QĐ-BPKCTT ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đến khi anh Nhân, chị Phượng trả xong tiền cho anh T.

- Giao trả lại anh Võ Hoàng T số tiền 20.000.000đồng và lãi phát sinh (nếu có) do anh Võ Hoàng T đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm theo quyết định số 257/2018/QĐ-BPBĐ ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo sổ tiết kiệm số AB 00004796787 ngày 05/7/2018của ngân hàng Agribank chi nhánh Huyện Chợ Gạo, mang tên Võ Hoàng Thành.

5. về án phí:

- Anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Kim P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do anh N, chị P đã nộp theo biên lai thu số 0015034 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo xem như đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh N, chị P phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại anh Võ Hoàng T – chủ doanh nghiệp tư nhân Hoàng T 5.750.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014628 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 15 phút ngày 24 tháng 01 năm 2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt